

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ DẠY NGHỀ Ở VIỆT NAM

Ths. Đồng Thị Vân Hồng, PGS.TS. Ngô Thị Thuần

Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email: thuanktl@yahoo.com

Các cơ sở dạy nghề có vai trò quan trọng đối với đào tạo nguồn nhân lực làm việc tại các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập. Ở Việt Nam, những năm qua, các cơ sở dạy nghề tăng nhanh, qui mô tuyển sinh lớn với nhiều ngành nghề đào tạo; cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề cũng được tăng cường; cơ sở vật chất cho dạy nghề cũng được đầu tư. Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngoài việc đào tạo và cấp chứng chỉ nghề cho hàng triệu người lao động, các cơ sở dạy nghề cũng bộc lộ những hạn chế và đối mặt với các thách thức. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp và xin ý kiến tham vấn của chuyên gia, bài viết này đánh giá những thành tựu, hạn chế trong đào tạo nghề của Việt Nam giai đoạn 2001-2010; bối cảnh, cơ hội, thách thức và nhu cầu đào tạo nghề đang đặt ra và những giải pháp thiết thực nhằm phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 cho hợp lý.

Từ khoá: Phát triển; Mạng lưới; Dạy nghề

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển của các trường đại học và cao đẳng, các cơ sở đào tạo nghề đã góp phần cung cấp cho thị trường lao động và xã hội một lực lượng lao động có kỹ năng nghề cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Năm 2010 cả nước đã có 123 trường cao đẳng nghề, 300 trường trung cấp nghề và 810 trung tâm dạy nghề và trên 1000 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các cơ sở giáo dục khác có dạy nghề đã góp phần đào tạo hàng ngàn lao động có tay nghề đang làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước (*Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – 2011*).

Việt Nam là một trong các nước đang phát triển, trong quá trình công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, nhu cầu lao động có tay nghề của các doanh nghiệp ngày càng nhiều. Vì vậy, sự nghiệp dạy nghề đang có những cơ hội phát triển mới trong đột phá về số lượng và chất lượng dạy nghề, nhưng cũng tiềm ẩn

nhiều rủi ro, thách thức.

Theo đánh giá của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về *Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011-2020* thì hệ thống các cơ sở dạy nghề hiện nay đa dạng, đa cấp, đan xen, do đó khó khăn trong việc quản lý, hướng dẫn, giám sát và điều chỉnh hoạt động dạy nghề. Sự phân bố các trường dạy nghề theo ngành, địa phương còn nhiều bất cập, thiếu định hướng. Mạng lưới dạy nghề chưa gắn với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia cũng như của địa phương, chưa gắn với nhu cầu của xã hội. Mạng lưới trường, trung tâm dạy nghề phân bố còn nhiều bất cập giữa miền Bắc, miền Trung và miền Nam; giữa đồng bằng và miền núi. Các trường, trung tâm dạy nghề chủ yếu tập trung ở các vùng thành thị, các khu công nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm. Cơ cấu ngành nghề đào tạo cũng còn nhiều bất hợp lý, các ngành nghề sản xuất và phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản chưa được chú trọng đào tạo. Mặt khác, các trường, trung tâm dạy nghề đều gặp

phải sự bất cập về nguồn lực đầu tư cho mạng lưới cơ sở dạy nghề còn hạn hẹp, dàn trải chưa tập trung đồng bộ theo nghề. Điều này đã làm cho quy mô đào tạo nhỏ bé, chương trình đào tạo chậm đổi mới, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, thực hành thiếu và lạc hậu, số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cấp trình độ đào tạo cũng chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của lao động trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dạy nghề nhanh, bền vững. Ngoài những đánh giá của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, chúng tôi chưa tìm thấy có nghiên cứu nào trong nước nghiên cứu về phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề cho Việt Nam.

Nhằm góp phần hướng tới phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề sao cho hợp lý, nghiên cứu này nhằm phản ánh những thành tựu, hạn chế của mạng lưới các cơ sở dạy nghề những năm qua, nhận mạnh bối cảnh mới và đề xuất định hướng cùng các giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu tài liệu và xin tham vấn của các chuyên gia. Các tài liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu gồm các báo cáo về thực hiện Nghị Quyết Trung ương lần thứ 2 khoá 8 về phương hướng và đào tạo đến năm 2020; về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến 2020; về quy hoạch và chiến lược dạy nghề; về quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 và các nghiên cứu có liên quan của các nhà khoa học từ các trường đại học, viện nghiên cứu. Các tài liệu này được thu thập từ các Ban, Ngành thuộc Bộ Chính trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; các website.

Các chuyên gia mà chúng tôi xin tham vấn gồm 15 nhà lãnh đạo thuộc Tổng cục dạy nghề; Các trường cao đẳng nghề (trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trường cao đẳng nghề dệt Nam Định) và một số Trung tâm dạy nghề của các tỉnh đồng bằng sông Hồng như Hà Nội (trung tâm dạy nghề huyện Gia Lâm), Nam Định (Trung tâm dạy nghề thành phố Nam Định), Hải Dương (trung tâm dạy nghề cho thanh niên).

Sau khi thu thập, các tài liệu đã được tổng hợp, phân tích, thảo luận và tổng hợp theo các nội dung nghiên cứu. Phương pháp phân tích thông tin chủ yếu là phân tích định tính cho các dữ liệu về thành

tựu, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế và các giải pháp cần hướng tới; Phương pháp thống kê mô tả và so sánh nhằm mô tả mức độ và so sánh giữa các cơ sở dạy nghề, bậc dạy nghề cho các dữ liệu về cơ cấu loại hình cơ sở dạy nghề, sự phân bố cơ sở dạy nghề giữa các vùng, số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý và cơ sở vật chất.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1 Thực trạng mạng lưới cơ sở dạy nghề ở Việt Nam

Về cơ sở dạy nghề: Thực hiện quyết định số 07/2006/QĐ- BLĐT BXH, ngày 02/10/2006 của Bộ LĐ – TB và XH về quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, mạng lưới các trường, trung tâm dạy nghề đã được thành lập theo quy hoạch và được phân bố ở tất cả các vùng miền, ở tất cả các loại hình (công lập, tư thực, doanh nghiệp) trên phạm vi toàn quốc, bước đầu đáp ứng được nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng nhu cầu học nghề để tìm việc làm nâng cao thu nhập của người lao động.

Đào tạo nghề trước năm 2009 do các trường và trung tâm dạy nghề, sau 2009 còn có các trường trung cấp và cao đẳng nghề. Tính đến cuối năm 2010, số lượng cơ sở đào tạo nghề tăng 3,85 lần so năm 2001 (từ 306 lên 1179 cơ sở dạy nghề). Trong đó số trung tâm dạy nghề (TTDN) tăng 5,4 lần (từ 150 TTDN năm 2001 lên 810 TTDN năm 2010). Từ năm 2009, các trường dạy nghề được chuyển đổi thành các trường trung cấp và cao đẳng nghề nên số lượng giảm nhiều đến cuối năm 2010 chỉ còn 15 trường, bằng 9,62 % năm 2001.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa dạy nghề, các cơ sở dạy nghề cũng được đa dạng hóa hình thức sở hữu. Tỷ trọng các cơ sở dạy nghề do tư nhân đầu tư tăng, mạng lưới cơ sở dạy nghề của doanh nghiệp cũng được phát triển nhanh, cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài rất hạn chế, nhưng lại được thực hiện các khoá dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề. Tính đến 31 tháng 12 năm 2009, trong tổng số 1179 trường cao đẳng nghề (CĐN), trung cấp nghề (TCN), trung tâm dạy nghề (TTDN) phân theo sở hữu có 752 cơ sở dạy nghề (chiếm 63,78%) được Nhà nước đầu tư, 420 cơ sở dạy nghề do tư nhân đầu tư (35,62%) và 7 cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài. Số cơ sở dạy nghề

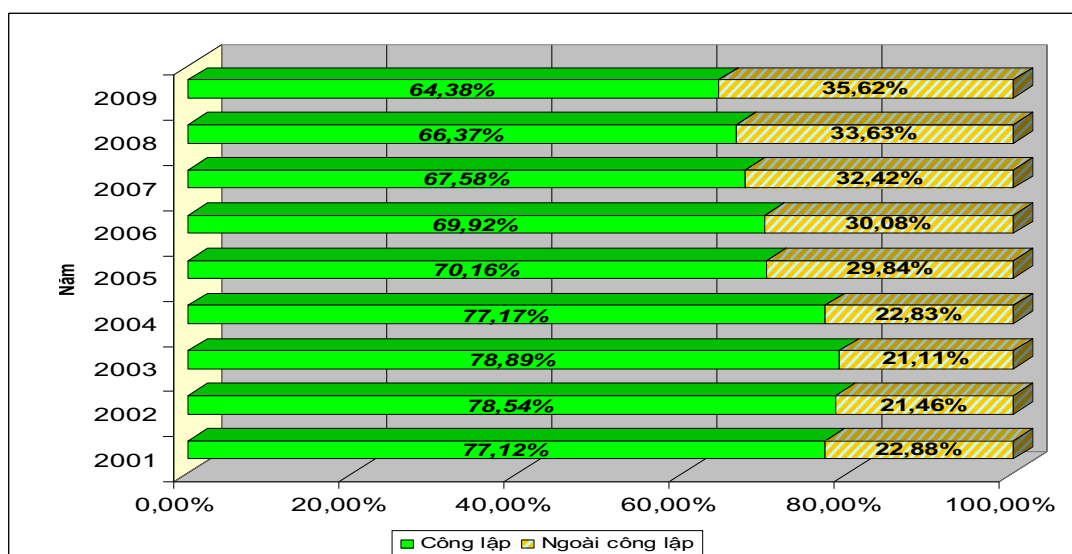
Bảng 1: Mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường dạy nghề và trung tâm dạy nghề giai đoạn 2001-2009

Cơ sở dạy nghề	Số lượng các cơ sở dạy nghề				so sánh (%)
	2001	2005	2009	2010	
Trường cao đẳng nghề			92	107	116.30
Trong đó: Ngoài công lập			22	26	118.18
Trường Trung cấp nghề			214	280	130.84
Trong đó: Ngoài công lập			53	87	164.15
Trường Dạy nghề	156	236	27	15	9.62
Trong đó: Ngoài công lập	10	36	17	10	100.00
Trung tâm dạy nghề	150	404	684	810	540.00
Trong đó: Ngoài công lập	60	155	250	297	495.00
Tổng số	306	640	1017	1179	385.29

Nguồn: Bộ lao động TB và XH - 2011

(Ghi chú: số liệu in nghiêng cột so sánh chỉ so với 2009; số liệu in thường so với 2001)

Đồ thị 1: Cơ cấu cơ sở dạy nghề theo hình thức sở hữu qua các năm



Nguồn: Bộ lao động Thương binh và Xã hội -2011

ngoài công lập tăng từ 22,88% năm 2001, lên 35,62% năm 2009 (Đồ thị 1).

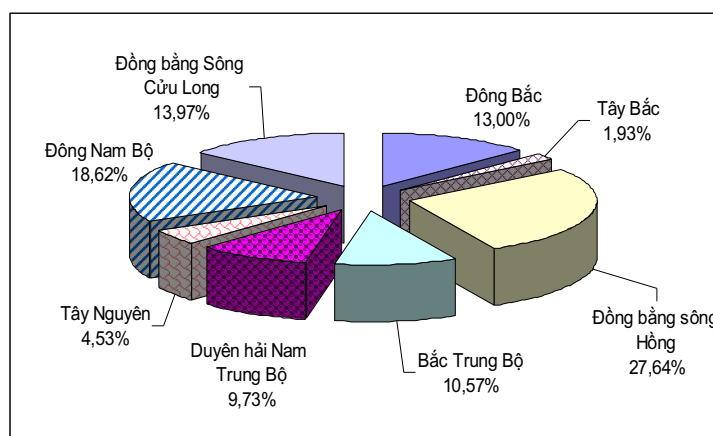
Phân bố cơ sở dạy nghề theo vùng không đồng đều giữa miền Bắc, miền Trung và miền Nam; giữa đồng bằng và miền núi. Các cơ sở đào tạo nghề chủ yếu tập trung ở ĐBSH, chiếm 27,64% số cơ sở trên cả nước. Thấp nhất là vùng Tây Nguyên chiếm 4,53% và Tây Bắc chiếm 1,93%. ĐBSH cũng là vùng có nhiều trường CDN nhất trong cả nước: 52 trường, chiếm 44,7% số trường CDN toàn quốc (Đồ thị 2).

ĐBSH cũng là vùng có số lượng tuyển sinh cao nhất nước (Năm 2009 là 453.859 học sinh, sinh

viên). Đáng lưu ý là vùng Tây Nguyên và Tây Bắc hiện mỗi vùng mới chỉ có 2 trường CDN; Các cơ sở thuộc Vùng Đông Nam Bộ chỉ chiếm 18,62% tổng số cơ sở dạy nghề cả nước nhưng lại có số tuyển sinh cao gần nhất nước (Năm 2009 là 443.730 HSSV).

Về thực trạng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý: Trong mạng lưới cơ sở dạy nghề ở Việt Nam có phân loại giáo viên và giảng viên dạy nghề. Theo các chuyên gia của Tổng cục dạy nghề, giáo viên dạy nghề chủ yếu dạy thực hành và dạy bậc trung cấp nghề; Giảng viên dạy nghề dạy lý thuyết cùng thực hành và thường dạy bậc cao đẳng nghề.

Đồ thị 2: Phân bố cơ sở dạy nghề theo vùng lãnh thổ



Nguồn: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - 2011

Cùng với sự phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề, số lượng giáo viên, giảng viên dạy nghề tăng dần theo từng năm. Giáo viên dạy nghề tăng nhanh về số lượng (năm 2010 có khoảng 33.000 giáo viên dạy nghề tăng gần 4 lần so với 2001) và chất lượng từng bước được nâng lên về chuẩn trình độ đào tạo, kỹ năng nghề và năng lực sư phạm. Về cơ bản, giảng viên, giáo viên trong các cơ sở dạy nghề đã đạt chuẩn trình độ đào tạo; 85% giảng viên dạy trình độ cao đẳng nghề, 75% giáo viên dạy trình độ trung cấp nghề và 49% giáo viên dạy trong các trung tâm dạy nghề đạt chuẩn trình độ sư phạm. Hiện có khoảng 46,3% số giảng viên, giáo viên dạy tích hợp được cả lý thuyết và thực hành nghề. Ngoài ra, còn có hơn 16.000 giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở khác có tham gia dạy nghề.

Cán bộ quản lý dạy nghề ở các cơ sở dạy nghề đã được bố trí đảm bảo theo chức năng, cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định. Chất lượng đội ngũ quản lý đã được nâng lên, số có trình độ trên đại học trong các trường CĐN, TCN chiếm 9,2%; trình độ đại học chiếm 69,3% và cao đẳng chiếm khoảng 7%. Có gần 35% số cán bộ quản lý các trường CĐN, TCN và 18,8% cán bộ quản lý ở các trung tâm dạy nghề đã qua đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục - đào tạo.

Cơ sở vật chất, thiết bị của các cơ sở dạy nghề đã được tăng cường, đảm bảo được các thiết bị thực hành cơ bản. Các trường được đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nhiều thiết bị được tăng cường, bổ sung phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất. Các trường thụ hưởng từ các dự án ODA cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư tương đối đồng bộ và hiện đại. Phong trào tự làm thiết bị dạy

nghề của các cơ sở dạy nghề đã bổ sung nhiều thiết bị cho giảng dạy và thực hành.

Từ năm 2008 đã triển khai kiểm định chất lượng dạy nghề và đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động. Ban hành hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và qui trình kiểm định chất lượng; ban hành 106 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; xây dựng 01 trung tâm đánh giá kỹ năng nghề cho lao động của ngành than (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội- 2008). Các điều kiện đảm bảo chất lượng được cải thiện nên chất lượng và hiệu quả dạy nghề có bước chuyển biến tích cực, đào tạo nghề đã gắn với sử dụng lao động; lao động qua đào nghề tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và đã đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện; khoảng 70% học sinh tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, ở một số nghề và một số cơ sở dạy nghề tỷ lệ này đạt trên 90%.

3.2 Những kết quả đạt được

Những kết quả đáng ghi nhận của mạng lưới cơ sở dạy nghề trong 10 năm qua là:

(1) Số lượng lao động qua đào tạo tăng nhanh

Mạng lưới cơ sở dạy nghề mở rộng, quy mô đào tạo tăng đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2010 đạt 30%, tăng 4% so với mục tiêu Chiến lược phát triển Giáo dục 2001-2010 đề ra (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - 2011).

(2) Quy mô tuyển sinh tăng nhanh

Năm 2006 Nhà nước ban hành luật dạy nghề, hình thành hệ thống dạy nghề theo 3 cấp trình độ sơ cấp nghề (SCN), trung cấp nghề (TCN), cao đẳng nghề (CĐN) thay thế hệ thống dạy nghề ngắn hạn và

dài hạn trước đây. Đặc biệt, từ năm 2007, việc nâng cấp và thành lập các trường TCN, CĐN đã thu hút lượng lớn học sinh, sinh viên theo học nghề đáp ứng nhân lực trình độ kỹ năng nghề cao, vì thế quy mô tuyển sinh đã có bước đột phá rõ rệt. Số lượng tuyển sinh dạy nghề tăng từ 887,3 ngàn người năm 2001 lên 1,748 triệu người năm 2010, tăng 1,97 lần, trong đó trình độ TCN và CĐN tăng 4,47 lần.

(3) Nghề đào tạo và chương trình đào tạo được mở rộng theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp

Các nghề đào tạo được mở dần theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp, từng bước phù hợp với sự phát triển các ngành nghề trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Danh mục nghề đào tạo đã được các Bộ ngành xây dựng dựa trên nhu cầu của thị trường lao động. Đến năm 2010 đã có danh mục nghề của 379 nghề đào tạo ở trình độ cao đẳng, 441 nghề đào tạo ở trình độ trung cấp (tăng 185 nghề so với năm 2001).

Chương trình dạy nghề được xây dựng xuất phát từ thực tiễn sản xuất; trên cơ sở phân tích nhiệm vụ, công việc của người lao động thiết kế các mô-đun đào tạo tích hợp giữa lý thuyết và thực hành thay thế cho chương trình dạy nghề theo môn học được xây dựng tách rời giữa lý thuyết và thực hành. Đến nay, đã xây dựng được 194 bộ chương trình khung trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề.

(4) Quản lý Nhà nước về dạy nghề đã được tăng cường

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về dạy nghề từ trung ương đến địa phương đã được tăng cường. Các bộ ngành đã có bộ phận quản lý dạy nghề. Cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề (Tổng cục Dạy nghề) đã được hoàn thiện.

Nguồn lực đầu tư cho dạy nghề đa dạng hóa, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo (chiếm khoảng 60%). Ngân sách nhà nước cho dạy nghề tăng dần qua các năm, đến năm 2010 đạt 9% trong tổng chi ngân sách nhà nước cho Giáo dục và Đào tạo.

Xã hội hoá dạy nghề đạt được kết quả bước đầu. Nhà nước đã có chính sách đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề, đã huy động được khoảng 40% từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước cho dạy nghề. Năm 2001, số cơ sở dạy nghề ngoài công lập chiếm 22,88% đến năm 2009 tăng lên 35,62%, thu hút khoảng 30% học sinh vào học nghề trong các cơ sở dạy nghề ngoài công lập. Mạng lưới cơ sở dạy nghề của

doanh nghiệp cũng được phát triển nhanh, đến năm 2009 có khoảng hơn 939 cơ sở dạy nghề.

3.3 Hạn chế và nguyên nhân

Những hạn chế của mạng lưới cơ sở dạy nghề trong 10 năm qua là:

Thứ nhất, mạng lưới cơ sở dạy nghề tăng nhanh, nhưng quy mô nhỏ, đặc biệt là các trường CĐN nơi đào tạo 3 cấp trình độ CĐN, TCN và SCN nhưng đến hết năm 2009 số trường CĐN mới chiếm tỷ trọng rất nhỏ: 9,08% trong tổng số 1.179 các trường CĐN, TCN và trung tâm dạy nghề.

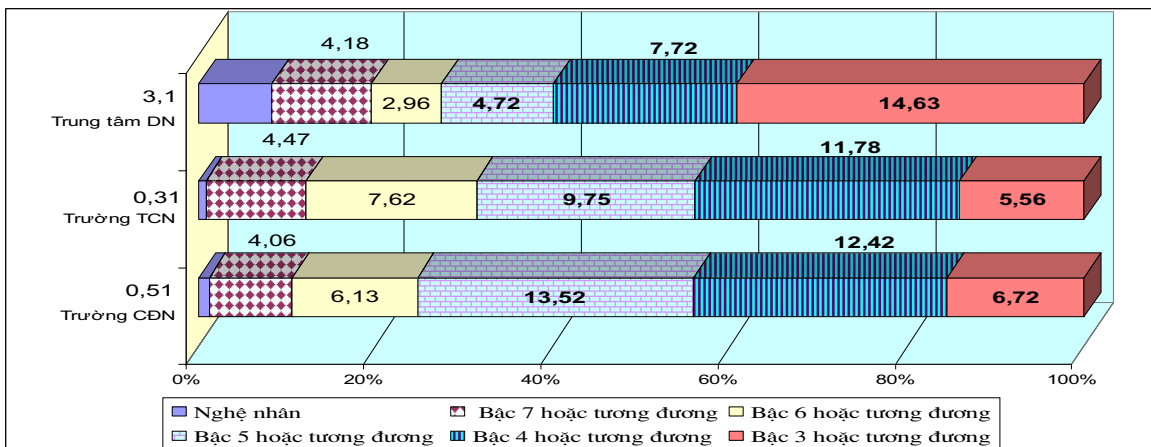
Thứ hai, đào tạo nghề vẫn theo hướng cung, chất lượng đào tạo nghề đã có chuyển biến nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động về tay nghề và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm,... Kỹ năng nghề, năng lực nghề nghiệp của lao động Việt Nam vẫn còn khoảng cách lớn so với các nước phát triển trên thế giới và trong khu vực, việc chuyển đào tạo nghề từ hướng “Cung” sang hướng “Cầu” còn chậm.

Thứ ba, cơ cấu đào tạo theo cấp trình độ và nghề đào tạo chưa hợp lý, chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu nhân lực của từng ngành, từng địa phương; chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực kỹ thuật chất lượng cao cho sản xuất và thị trường lao động.

Thứ tư, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề còn bất cập như cơ sở vật chất, chương trình, giáo trình, giáo viên dạy nghề còn thiếu về số lượng, đặc biệt là giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn; yếu về chất lượng và kỹ năng nghề. Theo số liệu thống kê, khoảng 69% số giáo viên, giảng viên trong các trường CĐN, trường TCN và TTDN có trình độ kỹ năng nghề, trong đó có khoảng 46% dạy cả lý thuyết và thực hành. Giáo viên tại các TTDN là nghề nhân chiếm 3,1%, bậc 7 và tương đương là 4,18%, bậc 6 và tương đương 2,16%, Bậc 5 và tương đương 4,72%, bậc 4 và tương đương 7,72%, và nhiều nhất là bậc 3 và tương đương: 14,63%. Con số này của các trường TCN tương ứng là: 0,31%; 4,47%; 7,62%; 9,75%; 11,78%; 5,56%. Tại các trường CĐN trình độ tay nghề của giáo viên, giảng viên tập trung chủ yếu vào bậc 4, 5 và tương đương (Đồ thị 3).

Thứ năm, cơ chế chính sách quản lý và phát triển dạy nghề còn chưa đồng bộ; chưa hình thành được những cơ sở dạy nghề chất lượng cao, chưa có các trường có nghề đạt trình độ khu vực và đạt trình độ quốc tế, chưa hình thành được ở các vùng những

Đồ thị 3: Cơ cấu trình độ kỹ năng nghề của giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở dạy nghề năm 2009



Nguồn: Bộ Lao động TB và XH 2011

trung tâm lớn về đào tạo nghề để tập trung đầu tư tạo sự đột phá về chất lượng cho các địa phương trong vùng.

Tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế trên, chúng tôi thấy như sau:

- Công tác quy hoạch phát triển nhân lực trong cả nước, của các bộ, ngành và địa phương để làm căn cứ xác định quy mô và cơ cấu đào tạo nghề phù hợp còn chậm. Đến giữa năm 2011 mới có Chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia.

- Chưa thiết lập được mối liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ sở dạy nghề. Sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động dạy nghề còn thụ động, chưa có văn bản xác định doanh nghiệp là một trong những chủ thể của hoạt động dạy nghề.

- Đầu tư của Nhà nước cho dạy nghề còn thấp (ngân sách nhà nước cho dạy nghề của Việt Nam chiếm khoảng 0,48% GDP trong khi tỷ lệ này tính bình quân trong khu vực như Thái Lan là 0,6%; Malaysia 0,65%; cho các nước EU 1,1%) và chưa tập trung, đồng bộ theo nghề; các nguồn lực khác đầu tư cho dạy nghề còn hạn chế.

- Chưa có chính sách (tuyển dụng, sử dụng, tiền lương và môi trường làm việc...) đủ mạnh để tạo động lực cho người dạy và người lao động giỏi nghề.

Những nhận định này của chúng tôi cũng đồng nhất với báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2011.

3.4. Bối cảnh, cơ hội và thách thức đối với dạy nghề ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020

3.4.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Trên thế giới có nhiều thay đổi, quá trình quốc tế hoá sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng, chất lượng nguồn nhân lực được coi là yếu tố quyết định thắng lợi trong cạnh tranh phát triển kinh tế-xã hội của mỗi quốc gia. Đồng thời cạnh tranh về nhân lực chất lượng cao cũng diễn ra mạnh mẽ hơn trên bình diện thế giới, khu vực và quốc gia. Việc mở ra khả năng di chuyển lao động giữa các nước đòi hỏi người lao động phải có kỹ năng nghề cao, có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với những tiêu chuẩn, tiêu chí do thị trường lao động xác định. Đào tạo theo hướng cầu đã trở thành cách tiếp cận đào tạo có hiệu quả đang và sẽ được thực hiện ở tất cả các quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới. Chương trình việc làm toàn cầu của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đã khuyến cáo các quốc gia tổ chức đào tạo nghề linh hoạt theo hướng cầu của thị trường lao động, nhằm tạo việc làm bền vững; tạo cơ hội cho người lao động học tập suốt đời, có năng lực thích ứng và chuyển đổi nghề nghiệp.

Theo mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, đến năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực được xác định là một trong ba giải pháp đột phá chiến lược, trong đó chất lượng dạy nghề có vị trí đặc biệt trong góp phần quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh nguồn nhân lực và phát triển kinh tế- xã hội (*Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*).

3.4.2. Cơ hội và thách thức

Cơ hội lớn cho phát triển mạng lưới đào tạo nghề là Đảng và Nhà nước đã có chủ trương “đổi mới căn

bản và toàn diện giáo dục”, trong đó có đào tạo nghề và đây là cơ hội cho dạy nghề phát triển. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2020 với yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng đặt ra nhiệm vụ và cũng là tạo cơ hội để thúc đẩy phát triển dạy nghề, nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao. Hội nhập quốc tế sâu, rộng tạo điều kiện thuận lợi cho dạy nghề tiếp cận với những kiến thức mới, công nghệ mới, mô hình dạy nghề hiện đại; mở rộng trao đổi kinh nghiệm, có cơ hội tiếp cận, thu hút các nguồn lực bên ngoài cho phát triển dạy nghề.

Thách thức đặt ra cho các cơ sở dạy nghề ở Việt Nam là nâng cao chất lượng đào tạo nghề ngang bằng với các nước trong khu vực và quốc tế. Hiện tại, chất lượng của lao động nước ta còn thấp, xếp thứ 11 trong 12 nước ở Châu Á được tham gia xếp hạng (năm 2008). Năng suất lao động của Việt Nam (năm 2007) thấp hơn Nhật Bản 50,4 lần, Hàn Quốc 18,6 lần, Malaysia 7,8 lần, Thái Lan 1,96 lần và Indonesia 1,5 lần. Việt Nam còn thiếu nhiều lao động lành nghề năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thấp (năm 2011 xếp thứ 65/141 nước xếp hạng) (*Bộ Lao động Thương binh Xã hội - 2011*).

Thị trường lao động trong nước và thế giới đòi hỏi người lao động phải đạt được chuẩn nghề nghiệp, nhưng hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đang xây dựng và mới bước đầu hướng tới chuẩn khu vực và thế giới. Việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề hiện đang là “điểm nghẽn” chưa giải quyết được; công tác hướng nghiệp ở cấp trung học cơ sở chưa bài bản, chưa tạo ra “tâm và thể” để học sinh vào học nghề. Cơ chế quản lý dạy nghề chưa theo kịp sự thay đổi của cơ chế quản lý kinh tế- xã hội.

3.4.3. Nhu cầu phát triển nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2020 của Việt Nam

Theo báo cáo về quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đến năm 2020 mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, lực lượng lao động làm việc trong nền kinh tế gần 63 triệu, số lao động đang trong độ tuổi là 52,8 triệu người; nhân lực trong nông nghiệp chiếm 35-38%, trong công nghiệp- xây dựng chiếm 31% và trong dịch vụ chiếm 27,0%-29% tổng nhân lực trong nền kinh tế.

Các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực đào tạo nghề cũng cho biết, nhu cầu nhân lực qua đào tạo đến 2020 khoảng 44 triệu người (chiếm khoảng

70,0% trong tổng số gần 63 triệu người làm việc trong nền kinh tế). Trong tổng số nhân lực qua đào tạo, số nhân lực đào tạo qua hệ thống dạy nghề khoảng 34,4 triệu (bằng 78,5%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trong tổng số lao động của từng lĩnh vực: trong nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 35%; trong công nghiệp- xây dựng 63% và trong dịch vụ 50%.

Nhu cầu nhân lực qua đào tạo của một số khu vực, ngành, lĩnh vực chính:

+ Trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 69,5%; trình độ trung cấp chiếm khoảng 22,5%; trình độ cao đẳng khoảng 6,0%.

+ Trong khu vực công nghiệp - xây dựng: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 56,0%; trình độ trung cấp chiếm 33,5%; trình độ cao đẳng chiếm 4,0%.

+ Trong khu vực dịch vụ: Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 37,0%; trình độ trung cấp chiếm khoảng 23,0%; trình độ cao đẳng khoảng 12,0%.

+ Ngành giao thông vận tải: Trong số nhân lực được đào tạo (611.000 người), lao động qua đào tạo nghề là 327.700 người.

+ Ngành du lịch: Trong số nhân lực được đào tạo (504.600 người), lao động qua đào tạo nghề là 342.400 người.

- Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề đến năm 2020 của một số ngành mũi nhọn và tập đoàn, tổng công ty lớn khoảng 800 nghìn người (Dệt May: 530.000; Điện lực: 151.000; Công nghiệp tàu thủy: 50.000; Cao su: 80.000; Than khoáng sản: 8.000; Lắp máy: 15.000,...). Nhu cầu nhân lực trình độ tay nghề cao cho một số tập đoàn kinh tế khi mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ ngày càng tăng lên.

- Tổng số nhân lực được đào tạo để đi làm việc ở ngoài nước thời kỳ 2011- 2015 khoảng 450 nghìn người và thời kỳ 2016- 2020 khoảng 670 nghìn người với bậc đào tạo khác nhau, trong đó 50% trung cấp nghề trở lên.

3.5. Giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020

3.5.1. Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề

Mục đích của giải pháp này nhằm phân bổ các cơ sở dạy nghề đồng đều giữa các vùng, miền theo hướng tập trung, đa cấp độ phù hợp với tiêu chuẩn

quốc tế.

Các biện pháp cần thiết để thực hiện giải pháp này là: Xây dựng mỗi vùng 1 trung tâm dạy nghề tại 1 tỉnh trọng điểm của vùng (Vùng Tây Bắc; Đông Bắc; ĐBSH; Bắc Trung Bộ; Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng Sông Cửu Long). Xây dựng trường điểm dạy nghề chất lượng cao, trong đó có các trường đạt đẳng cấp quốc tế. Xây dựng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trong các trường nghề ở các cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế. Huy động tối đa các nguồn vốn. Phát triển các cơ sở dạy nghề trong doanh nghiệp và cơ sở dạy nghề tư thực.

3.5.2 Chuẩn hoá, hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề

Mục đích của giải pháp này đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất tốt trong các cơ sở dạy nghề để mở rộng qui mô đào tạo và không ngừng nâng cao chất lượng.

Các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện giải pháp này là:

- Ban hành tiêu chuẩn xây dựng trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề phù hợp với chương trình đào tạo nghề theo mô đun.

- Ban hành danh mục chuẩn thiết bị dạy nghề cho từng nghề, trình độ đào tạo (gồm: thiết bị cơ bản, thiết bị mô phỏng và các thiết bị hiện đại phù hợp với thực tế sản xuất).

- Chuẩn hóa và hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị tương ứng với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và theo cấp độ đầu tư phát triển (của quốc gia và các nước phát triển trong khu vực và thế giới).

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị.

- Phát triển cơ sở sản xuất trong nhà trường để phục vụ thực tập thực hành cho học sinh, sinh viên.

3.5.3 Nâng cao chất lượng giáo viên, giảng viên và kỹ thuật viên

Mục đích của giải pháp này là có đội ngũ cán bộ giảng dạy nghề có kiến thức tốt, kỹ năng nghề thành thạo, phương pháp dạy tích cực để đáp ứng với nhu cầu đào tạo ngày càng tăng và không ngừng nâng cao chất lượng.

Các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện giải pháp này là:

- Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên theo cấp trình độ

đào tạo và các nghề trọng điểm (quốc tế, khu vực, quốc gia);

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cả ở trong nước và ngoài nước;

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý dạy nghề, hình thành đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề có tính chuyên nghiệp. Chuyển từ quản lý chương trình khung sang quản lý khung chương trình dạy nghề;

- Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng: phát huy tính chủ động, sáng tạo, độc lập, tăng thời gian tự rèn luyện tay nghề và làm việc theo nhóm của học sinh, sinh viên trong quá trình học và thực tập, thực hành; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy nghề và đào tạo nghề qua mạng.

3.5.4 Phát triển hệ thống quản lý chất lượng dạy nghề

Mục đích của giải pháp này là đảm bảo và nâng cao uy tín về chất lượng dạy nghề của các cơ sở dạy nghề ở Việt Nam.

Các biện pháp cụ thể là: Hình thành 03 trung tâm kiểm định chất lượng ở 3 miền để kiểm định chương trình đào tạo với các nghề trọng điểm và kiểm định cơ sở dạy nghề đối với các trường chất lượng cao; Hình thành các trung tâm đánh giá kỹ năng nghề để cấp chứng chỉ cho người lao động và giáo viên; Tăng cường đánh giá chất lượng của học sinh, sinh viên trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề sau tốt nghiệp; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra dạy nghề.

3.5.5 Tăng cường gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế

Mục đích của giải pháp này là kết quả đào tạo nghề đáp ứng tốt nhu cầu về số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Các biện pháp cụ thể là: Phát triển mạng lưới trung tâm dịch vụ đào tạo và cung ứng nhân lực ở các vùng để làm cầu nối gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp; Cơ sở dạy nghề thành lập bộ phận (phòng/trung tâm) liên kết với doanh nghiệp; Huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình khung, chương trình, giáo trình, giảng dạy, thực tập sản xuất và đánh giá kết quả học tập; tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên; Doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề về quy mô, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ cho các cơ sở dạy nghề; Mở rộng hình thức dạy nghề theo hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa cơ sở dạy

nghề với doanh nghiệp đảm bảo cho người học nghề sau khi kết thúc khóa học có việc làm; Tăng cường thu hút nguồn lực nước ngoài về vốn và công nghệ; Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học về dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ dạy nghề tiên tiến để nâng cao chất lượng dạy nghề.

4. Kết luận

Phát triển mạng lưới các cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011- 2020 là bước đi đầu tiên để thực hiện Chiến lược phát triển nhân lực quốc gia, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2001- 2010 đã tăng về số lượng cơ sở dạy nghề, số lượng giáo viên, giảng viên, kỹ thuật viên, số lượng các ngành nghề, qui mô tuyển sinh, chất lượng đào tạo đảm bảo và đã cung cấp ngày càng tăng số lượng lao động qua đào tạo cho phát triển nền kinh tế Việt Nam.

Hạn chế trong phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2001- 2010 là cơ sở dạy nghề qui mô nhỏ, chưa cân đối giữa các vùng, miền và các ngành

kinh tế; Đào tạo nghề còn theo hướng cung; Cơ cấu trình độ đào tạo chưa cân đối; các điều kiện đảm bảo chất lượng như chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất và kinh phí đào tạo còn thiếu.

Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020 có nhiều cơ hội thuận lợi, song cũng đối mặt với các thách thức về chất lượng và hội nhập kinh tế nên cần phù hợp với Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011- 2020, bảo đảm cân đối theo điều kiện, đặc điểm riêng và nhu cầu của từng vùng, miền, lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển dạy nghề, đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng đội ngũ lao động từ giản đơn đến lao động có kỹ thuật cao.

Để phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đến năm 2020 có hiệu quả cần thực hiện tốt quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề quốc gia; tăng cường và hiện đại hoá cơ sở vật chất; Nâng cao chất lượng giáo viên, giảng viên và kỹ thuật viên; Phát triển hệ thống quản lý chất lượng và tăng cường gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị (2009): Kết luận số 242 - TB/TW, ngày 15 tháng 4 năm 2009 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết T.Ư 2 (khoá VIII) phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010): *Các định hướng chiến lược phát triển GD và ĐT từ nay đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2008): *Chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng dạy nghề*.
4. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2011): *Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011 – 2020*.
5. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2011): *Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020*.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
7. Đảng cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
8. Đảng cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
9. Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của Chính Phủ (Đề án 1956).
10. Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 22/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

ĐBSH cũng là vùng có số lượng tuyển sinh cao nhất nước (Năm 2009 là 453.859 học sinh, sinh viên). Đáng lưu ý là vùng Tây Nguyên.